

15 HẠNG **GIẤY PHÉP LÁI XE (GPLX)** MỚI ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/01/2025.

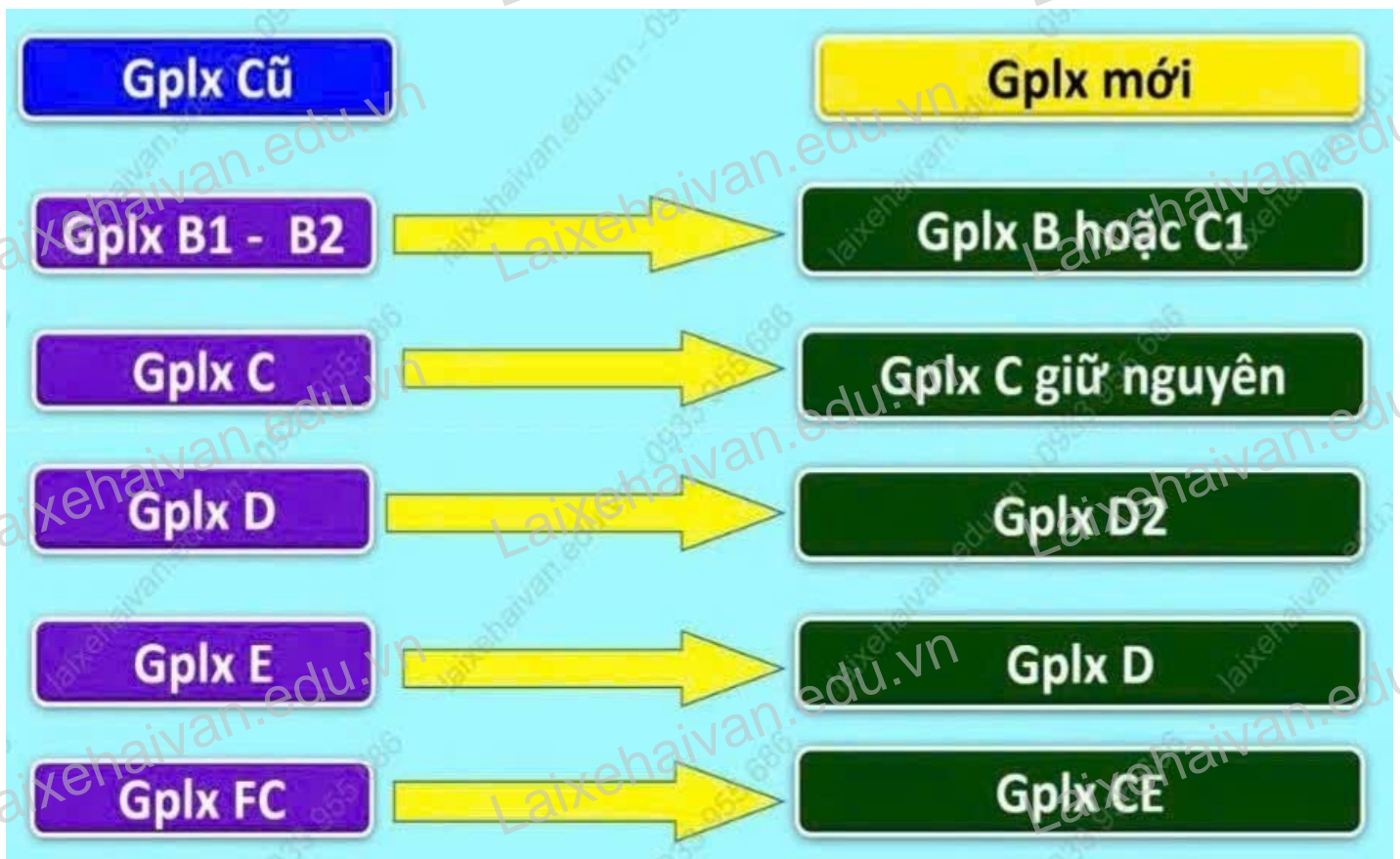
Thầy: Bùi Xuân Tứ - Tóm tắt – Nguồn: Internet

Hạng GPLX	Loại phương tiện	Thời hạn GPLX	Độ Tuổi
Hạng A1	Cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến 125 cm ³ hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW	Không thời hạn	
Hạng A	Cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên 125 cm ³ hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kW và các loại xe quy định cho GPLX hạng A1		
Hạng B1	Cấp cho người lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho GPLX hạng A1. <u>Khối lượng toàn bộ - KLTB</u>		
Hạng B	Cấp cho người lái xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có KLTB theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho GPLX hạng B kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế đến 750 kg.	10 năm kể từ ngày cấp	18 Tuổi
Hạng C1	Cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có KLTB theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho GPLX hạng C1 kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho GPLX hạng B		
Hạng C	Cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có KLTB theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho GPLX hạng C kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho GPLX hạng B và hạng C1	05 năm kể từ ngày cấp.	21 Tuổi
Hạng D1	Cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho GPLX hạng D1 kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho GPLX các hạng B, C1, C		
Hạng D2	Cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho GPLX hạng D2 kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho GPLX các hạng B, C1, C, D1		
Hạng D	Cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho GPLX các hạng B, C1, C, D1, D2		
			27 Tuổi

Hạng BE	Cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho GPLX hạng B kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế trên 750 kg	05 năm kể từ ngày cấp	21 Tuổi
Hạng C1E	Cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho GPLX hạng C1 kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế trên 750 kg		24 Tuổi
Hạng CE	Cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho GPLX hạng C kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc		24 Tuổi
Hạng D1E	Cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho GPLX hạng D1 kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế trên 750 kg		27 Tuổi
Hạng D2E	Cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho GPLX D2 kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế trên 750 kg		27 Tuổi
Hạng DE	Cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho GPLX hạng D kéo rơ moóc có KLTB theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô chở khách nối toa.		27 Tuổi

Tuổi tối đa của người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), xe ô tô chở người giường nằm là đủ 57 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ. Như vậy, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ 2024 đã tăng tuổi lái xe tối đa thêm 5 tuổi với nữ; 2 tuổi với nam.

GIẤY PHÉP LÁI XE (GPLX) CŨ ĐỔI QUA MỚI



Thầy: Bùi Xuân Tứ - Tóm tắt – Nguồn: Internet